

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Phú Thọ, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các xã, phường với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong công tác tham mưu và triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15; Luật Viên chức số 58/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các xã, phường với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong công tác tham mưu và triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các xã, phường với các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong công tác tham mưu và triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- CV NCTH VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Khắc Hiếu

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các xã, phường với các sở, ban, ngành
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong công tác tham mưu và
triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm, quan hệ phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) với các sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là sở, ngành) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong công tác tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành và công chức, viên chức thuộc các sở, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường và cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn thuộc khối chính quyền cấp xã.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

a) Thiết lập cơ chế phối hợp thống nhất, rõ ràng, hiệu quả giữa chính quyền cấp xã và các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của chính quyền cấp xã nhằm vận hành mô hình chính quyền địa phương theo 02 cấp thuận lợi, đồng bộ, liên thông, thống nhất, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chồng chéo, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; các Nghị định hướng dẫn và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và của sở, ngành.

c) Bảo đảm tính hai chiều, minh bạch và kịp thời trong trao đổi thông tin và xử lý công việc, gắn với phân cấp, phân quyền theo các văn bản về phân cấp phân quyền của Trung ương và của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc và hình thức phối hợp

1. Tuân thủ theo đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; sự chỉ đạo thống nhất của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn chuyên môn của các sở, ngành.

2. Đảm bảo tính chủ động, sáng tạo của Ủy ban nhân dân cấp xã, phát huy hiệu quả cơ chế “chính quyền 2 cấp”; chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

3. Phối hợp chặt chẽ các nội dung công việc chuyên môn theo ngành, lĩnh vực cụ thể; làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức thực hiện công tác phối hợp; đảm bảo thông tin kịp thời, giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành; thực hiện chế độ báo cáo; theo dõi, giám sát chất lượng công việc và tiến độ thực hiện; đảm bảo thông tin kịp thời và minh bạch.

5. Định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp.

Chương II NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 4. Nội dung phối hợp chủ yếu

Việc phối hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành nhằm đạt hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ, gồm các lĩnh vực sau:

1. Lĩnh vực Tư pháp, gồm: Công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; công chứng, chứng thực; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản tài viên, hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; thừa phát lại; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước; pháp chế; công tác theo dõi thi hành pháp luật, xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Lĩnh vực đối ngoại, gồm: Phối hợp thực hiện các chủ trương, chính sách về hợp tác quốc tế, lãnh sự và bảo hộ công dân, công tác thông tin đối ngoại, đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân; triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch, gồm: Tài chính - ngân sách nhà nước; kế hoạch và đầu tư; thống kê; đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể.

4. Lĩnh vực Xây dựng, gồm: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn (bao gồm: cấp nước sạch (trừ nước sạch nông thôn); thoát nước và xử lý nước thải (trừ xử lý nước thải tại chỗ; thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối); công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý không gian xây dựng ngầm; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu dân cư nông thôn); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ).

5. Lĩnh vực Công Thương, gồm: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí; hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; cụm công nghiệp trên địa bàn.

6. Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, gồm: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

7. Lĩnh vực Nội vụ, gồm: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới.

8. Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát thanh và truyền hình; thông tin điện tử; thông tấn; thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại; quảng cáo.

9. Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và thông tin, gồm: Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin (*không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng*); giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin.

10. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, gồm: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (*cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông*); trung tâm học tập cộng đồng; phối hợp hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy thêm, học thêm đảm bảo đúng quy định.

11. Lĩnh vực Y tế, gồm: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (*không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy*); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế.

12. Lĩnh vực Thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

13. Lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo, gồm: Dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

14. Lĩnh vực phục vụ hành chính công: Hướng dẫn, tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính; hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến; theo dõi, đôn đốc giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp

1. Các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đóng vai trò là cơ quan trung gian, điều phối, là cầu nối giữa bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong hệ thống ngành dọc. Sở, ngành chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trách nhiệm của các sở, ngành trong phối hợp công việc chuyên môn với Ủy ban nhân dân cấp xã như sau:

a) Cụ thể hóa và triển khai chính sách của Trung ương cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để triển khai các chính sách đó đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã, đến cán bộ, công chức phụ trách các lĩnh vực tương ứng.

c) Kịp thời cung cấp thông tin đầy đủ cho Ủy ban nhân dân cấp xã về các chủ trương, chính sách mới, các chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên cũng như các thông tin liên quan đến tình hình phát triển của tỉnh và cả nước; các văn bản, biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ để hướng dẫn và hỗ trợ cấp xã trong việc thực

hiện các quy định, chính sách của ngành, đồng thời hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc về chuyên môn nghiệp vụ.

d) Theo dõi, kiểm tra, giám sát; tổng hợp thông tin, báo cáo từ Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình hoạt động của ngành trên địa bàn tỉnh, tổng hợp và báo cáo bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị điều chỉnh chính sách cho phù hợp.

đ) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực, chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện quy chế phối hợp công việc chuyên môn đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

e) Tạo cơ chế trao đổi thông tin hai chiều; thiết lập các kênh thông tin liên lạc thường xuyên, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban nhân dân cấp xã có thể dễ dàng trao đổi, báo cáo và nhận được hỗ trợ khi cần thiết.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong phối hợp công việc chuyên môn với các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

a) Chủ động phối hợp, triển khai nhiệm vụ theo hướng dẫn của các sở, ngành. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc có tính chất liên xã, liên phường, như: Phòng chống thiên tai, dịch bệnh, xây dựng hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế - xã hội.

b) Trên cơ sở các quy định về phân cấp, phân quyền, ủy quyền các nhiệm vụ quản lý nhà nước của Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động thực hiện các nhiệm vụ nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

c) Tạo môi trường làm việc, điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện các nội dung phối hợp để đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn.

d) Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và các vấn đề khác ở địa phương; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện.

đ) Thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật về các nguồn lực được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

e) Căn cứ quy định pháp luật về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn; trên cơ sở nhu cầu, tình hình thực tiễn của địa phương và quy định tại Quy chế này; chủ động nắm bắt tình hình, xác định các vấn đề cần phối hợp, ban hành Văn bản triển khai, hướng dẫn tại địa phương, trong đó áp dụng các quy định, quy trình phối hợp minh bạch, có phân công trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức; yêu cầu về tiến độ và chất lượng công tác trong các nội dung phối hợp.

f) Chủ động các giải pháp nhằm nâng cao năng lực thông tin, cải thiện kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Sử dụng các nền tảng công nghệ thông tin, phần mềm dùng chung để trao đổi thông tin, quản lý công việc, tạo sự liên kết chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp. Tổng hợp thông tin và đề xuất các giải pháp, kiến nghị rõ ràng, cụ thể cho sở, ngành.

g) Tích cực phối hợp với cấp ủy, đoàn thể ở cấp xã để chủ động giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền; hạn chế việc chuyển lên cấp trên.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, năm về các sở, ngành theo mẫu quy định của ngành, lĩnh vực. Thực hiện báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất thường như: thiên tai, dịch bệnh, sự cố an ninh, môi trường.

2. Các sở, ngành có trách nhiệm thống nhất về nội dung, đề cương, biểu mẫu đề nghị báo cáo. Chậm nhất trong vòng 7 ngày làm việc, các sở, ngành phải phản hồi các phản ánh khó khăn, vướng mắc về chuyên môn, nghiệp vụ; các kiến nghị đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Báo cáo, văn bản chỉ đạo được thực hiện theo chế độ thông tin báo cáo và quản lý văn bản theo quy định, đồng thời được chuyển qua qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ Quy chế này để tổ chức, triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Nội vụ là cơ quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này; định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành kiểm tra việc thực hiện cơ chế phối hợp tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Đưa kết quả phối hợp là tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị hằng năm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị phản ánh với Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.